

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

Tầng 4, Toà nhà JSC 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiến,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

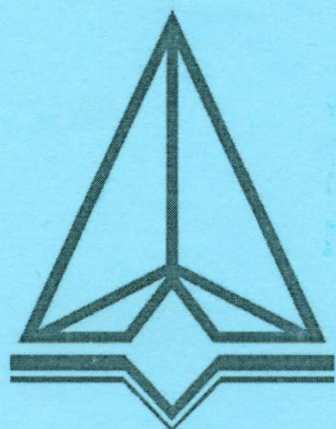
Điện thoại: 04 222 50718

Fax: 04 222 50716

Website: www.licogi166.vn

Email: info@licogi166.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012



LICOGI 166

Hà Nội, tháng 3 năm 2013



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166	2
I Thông tin chung	2
II Những sự kiện quan trọng	3
III Quá trình phát triển	4
IV Tình hình hoạt động	5
V Định hướng phát triển	6
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
I Những nét nổi bật trong năm 2012	7
II Những thay đổi chủ yếu trong năm 2012	10
III Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	10
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	12
I Báo cáo tình hình tài chính	12
II Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	13
III Những tiến bộ đã đạt được	14
IV Kế hoạch 2013 và các năm tiếp theo	15
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	18
I Giải trình Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán	19
II Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	21
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	22
TỔ CHỨC NHÂN SỰ	23
I Cơ cấu tổ chức nhân sự	23
II Ban giám đốc	25
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG	28
I Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	29
II Dữ liệu thống kê về cổ đông	33

PHỤ TRƯỞNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN LICO GI 166

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về công ty

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LICO GI 166
Tên tiếng Anh: LICO GI 166 JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: LICO GI 166
Mã chứng khoán: LCS
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Toà nhà JSC 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 04. 222 50718 Fax: 04. 222 50716
Website: www.licogi166.vn Email: info@licogi166.vn
Mã số doanh nghiệp: 0102264629 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đổi lần thứ 9 ngày 4 tháng 10 năm 2012
Vốn điều lệ 76.000.000.000 đồng (*Bảy mươi sáu tỷ đồng chẵn*)
Số tài khoản: 2111 0000 189225 Ngân Hàng ĐT & PT, Chi nhánh Hà Nội

Logo Công ty:



2. Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102264629 ngày 4/10/2012 (thay đổi lần thứ chín), Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Lắp đặt các hệ thống xây dựng khác chỉ kinh doanh các ngành nghề sau: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, lắp đặt hệ thống chống sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chỉ kinh doanh các ngành nghề sau: thiết bị phòng cháy chữa cháy;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng chỉ kinh doanh các ngành nghề sau: thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy các công trình xây dựng (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của Pháp luật);

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh điện, nước, khí nén;
- Vận tải hành hóa;
- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (Trừ kinh doanh bất động sản).
- Các hoạt động dịch vụ: Cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác.
- Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng.
- Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí.
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ, các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình.

II. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

- Ngày 18/5/2007, Công ty cổ phần LICOGI 16.6 được chính thức thành lập với số vốn điều lệ là 20 tỷ đồng. Trụ sở chính của Công ty đăng ký trụ sở tại Ô số 1, Lô 4, Dền Lừ 1, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
- Tháng 9/2009, Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ mới tại tầng 4, Tòa nhà văn phòng Công ty 34, ngõ 164, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Tháng 9/2009, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng.
- Tháng 7/2010, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 41 tỷ đồng.
- Ngày 06/7/2010, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu của mình tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LCS.
- Tháng 7/2011, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 41 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng.
- Tháng 10/2012, Công ty thực hiện việc sáp nhập Công ty LICOGI 16.9 vào Công ty LICOGI 16.6 tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 76 tỷ đồng và đổi tên thành Công ty cổ phần LICOGI 166.

III. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Được thành lập bởi Công ty cổ phần LICOGI 16 và một số tổ chức cá nhân có uy tín và năng lực trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, đầu tư kinh doanh bất động sản, LICOGI 166 được kế thừa nền tảng kiến thức, kinh nghiệm quý giá của LICOGI 16 trong công tác tổ chức và quản lý thi công, trong lĩnh vực đầu tư và quản lý dự án kinh doanh bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Đó thực sự là tiền đề vững chắc trong quá trình xây dựng phát triển bền vững Công ty.

Tiến tới mục tiêu đa dạng hoá ngành nghề hoạt động, LICOGI 166 đã tham gia đầu tư góp vốn thành lập Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường để sản xuất tro bay mang thương hiệu “Tro bay Phả Lại” - một loại vật liệu mới thân thiện với môi trường. Sản phẩm “Tro bay Phả Lại” đã được sử dụng để thi công Nhà máy thủy điện Sơn La, Công trình thủy điện Bản Chát, và một số công trình đập khác. Cũng từ nguồn tro bay này, Sông Đà Cao Cường đã đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch bê tông khí chưng áp (gạch AAC) để cung cấp gạch xây cho thị trường.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng mở rộng hoạt động sang lĩnh vực khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng - một lĩnh vực tiềm năng mang lại hiệu quả cao. Hiện LICOGI 166 đã và đang hợp tác với Công ty Sao Thổ trong việc đầu tư khai thác mỏ đá Sao Thổ - Hà Tĩnh.

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động thi công xây lắp

Trong hoạt động thi công xây lắp, LICOGI 166 tập trung chiều sâu vào lĩnh vực thi công thủy điện, thi công cơ điện, thi công hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp. Trong những năm qua, Công ty đã thành công trong việc khẳng định thương hiệu LICOGI 166 là một trong những thương hiệu mạnh trong lĩnh vực này. Chính bởi vậy, LICOGI 166 đã được các chủ đầu tư tin tưởng và giao trọng trách thi công các công trình lớn, các công trình đòi hỏi trình độ kỹ thuật phức tạp, cũng như có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước.

Trong năm 2012, doanh thu thực hiện trong lĩnh vực này của Công ty đạt giá trị trên 497 tỷ đồng, đạt được 99% kế hoạch đã đề ra.

Các công trình tiêu biểu mà công ty đã và đang triển khai thi công:

- Đập chính công trình thủy điện Bản Chát, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu do Tập đoàn điện lực làm Chủ đầu tư bằng công nghệ bê tông đầm lăn với giá trị lên tới gần 2.000 tỷ đồng.
- Hệ thống điện hạ thế tại các xã Phạm Ngũ Lão, xã Chính Nghĩa, xã Tân Việt, xã Tân Tiến thuộc dự án năng lượng nông thôn II tỉnh Hưng Yên;

- Tháp điều áp Công trình thủy điện Mường Kim; thủy điện Sùng Vui; thủy điện Nậm Khánh;
- Hệ thống điện hạ thế RE II Thái Nguyên;
- Công trình trượt tháp điều áp - thủy điện Nậm Tha 4;
- Công trình hệ thống điều hòa không khí Viện sốt rét;
- Công trình Núi pháo Thái Nguyên;
- Và một rất nhiều công trình lớn nhỏ khác.

2 Hoạt động kinh doanh

Kinh doanh tro bay

Với vai trò là đơn vị độc quyền phân phối sản phẩm tro bay của Sông Đà Cao Cường, thời gian vừa qua Công ty là đơn vị duy nhất cung cấp toàn bộ tro bay cho Dự án thủy điện Bản Chát với tổng khối lượng ước tính khoảng 260.000 tấn, tổng giá trị doanh thu ước tính trên 300 tỷ đồng. Việc cung cấp tro bay cho công trường vừa giúp công ty chủ động trong hoạt động thi công, vừa mang lại giá trị doanh thu và lợi nhuận rất đáng kể cho Công ty.

Tính riêng trong năm 2012, Công ty đã cung cấp trên 32 ngàn tấn tro bay cho công trường này, đạt giá trị doanh thu gần 56 tỷ đồng.

Kinh doanh điện nước

Ngoài việc là đơn vị duy nhất cung cấp tro bay, công ty còn là đơn vị cung cấp điện nước thi công tại công trình thủy điện Bản Chát, đối tượng phục vụ của Công ty là các đơn vị thi công trên công trường. Để thực hiện việc kinh doanh này, Công ty đã đảm nhận thi công và tổ chức quản lý các hạng mục: Trạm bơm, bể chứa nước và hệ thống cấp nước, trạm biến áp 35KV, hệ thống đường dây . . . để cấp cho tất cả các đơn vị thi công trên công trường.

Hoạt động kinh doanh điện nước đem lại doanh thu ổn định hàng năm cho Công ty. Giá trị kinh doanh điện nước thi công của Công ty tại công trình thủy điện Bản Chát đạt doanh thu 7,03 tỷ đồng.

Tay

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Để xây dựng công ty trở thành một tổ chức lớn mạnh và bền vững, có vị thế và uy tín, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty khẳng định định hướng kinh doanh chiến lược của công ty tập trung vào hai lĩnh vực chính: Lĩnh vực xây lắp (*trọng tâm là xây lắp cơ điện, xây lắp công trình thủy điện, thi công hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp*) và lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Trước mắt, lấy hoạt động thi công xây lắp làm nền tảng đồng thời tích cực tìm kiếm cơ hội để khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm mở rộng hoạt động sang lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng đây là lĩnh vực mà công ty có thể mạnh, mang lại cơ hội phát triển ổn định và bền vững công ty trong những năm tiếp theo.

1. Tầm nhìn

LICOGI 166 phấn đấu trở thành một thương hiệu mạnh, có uy tín và vị thế trong các lĩnh vực thi công xây dựng thủy điện, thi công xây lắp cơ điện; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

2. Sứ mệnh

Công ty cổ phần LICOGI 166 không ngừng nỗ lực và sáng tạo trong lao động sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, hướng tới sự hài lòng của khách hàng.

Xây dựng và giữ gìn môi trường làm việc thân thiện, năng động, chuyên nghiệp và minh bạch, dựa trên tinh thần đoàn kết, sáng tạo và trách nhiệm, tạo dựng sức mạnh tập thể, mang lại lợi ích cho cán bộ công nhân viên và cho các cổ đông và toàn xã hội.

3. Định hướng và chiến lược phát triển

Phát triển hoạt động của công ty vào các lĩnh vực chính gồm: **Lĩnh vực xây lắp (trọng tâm là xây lắp cơ điện, xây lắp công trình thủy điện, thi công hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, đường xá . . .)**; **Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.**

- Lấy thi công xây lắp làm bàn đạp, làm nền tảng nhằm duy trì và ổn định hoạt động của Công ty;
- Tìm kiếm đối tác, mở rộng và phát triển các ngành nghề, các lĩnh vực mà công ty có thể mạnh, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát huy tối đa mọi khả năng để nâng cao hiệu quả hoạt động trong sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đẩy mạnh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động và sáng tạo, tạo điều kiện tốt nhất để phát triển năng lực cá nhân và tạo dựng sức mạnh tập thể để mang lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp, cho các cổ đông và cho các thành viên trong công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. NHỮNG NÉT NỔI BẬT TRONG NĂM 2011

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012 vừa qua, những khó khăn của kinh tế thế giới và sự biến động tiêu cực của các chỉ số kinh tế vĩ mô đã tác động rất tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Tuy nhiên, bằng sự kiên định trong việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch, cùng với sự chỉ đạo sát sao, linh hoạt với tinh thần trách nhiệm cao của Hội đồng quản trị, sự quyết tâm nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, trong năm 2012 vừa qua Công ty đã đạt được những thành quả đáng khích lệ như sau:

- Doanh thu thuần: 563.279.530.881 đồng; đạt 90,5% so với KH, giảm 44,54% so với năm 2011
- Lợi nhuận trước thuế: 14.844.990.380 đồng; đạt 59,0% so với KH, giảm 37,76% so với năm 2011
- Lợi nhuận sau thuế: 11.705.579.019 đồng, đạt 62,1% so với KH, giảm 38,51% so với năm 2011
- Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2012
 - + Lợi nhuận sau thuế: 11.705.579.019 đồng
 - + Chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2012: 354.000.000 đồng
 - + Trích lập các quỹ 2.341.115.803 đồng
 - + Lợi nhuận sau khi trích quỹ 9.364.463.215 đồng
 - + Chia cổ tức năm 2012 với tỷ lệ 10% 7.600.000.000 đồng
 - + Hình thức chi trả cổ tức: Tiền mặt
 - + Thời điểm chi trả cổ tức: sẽ do HĐQT quyết định
 - + Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2013: 1.764.463.215 đồng
- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt mức bình quân 6 triệu đồng/người/tháng, tương ứng với mức thu nhập 72 triệu đồng/người/năm.

2. Các mốc công việc quan trọng trong hoạt động thi công xây lắp

- Tại công trình Thủy điện Bản Chát đã thực hiện hoàn thành và bàn giao mặt bằng toàn hạng mục đập dâng RCC vào ngày 01/7/2012.
- Ngoài ra, Công ty cũng đã hoàn thành tốt các mục tiêu tiến độ khác trên công trường như: nền HLD trong thân đập tháng 7/2012 và một số phân đoạn bê tông đỉnh đập, nghiệm thu các khối L1;C2;C3;R5...

- Trên các công trường khác, công ty đã thực hiện hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng một số gói thầu thuộc các công trình như: Các gói thầu thuộc Dự án RE II Thái Nguyên, công trình Viện sốt rét, công trình Núi Pháo Thái Nguyên...

Các công trình do Công ty đảm nhận đều hoàn thành đúng và vượt mốc tiến độ đề ra, điều này sẽ dần xây dựng và khẳng định thương hiệu LICOGI 166 trong các lĩnh vực định hướng mà công ty đã lựa chọn.

3. Các thành quả trong hoạt động kinh doanh và đầu tư

Năm 2012, xác định thị trường bất động sản còn gặp nhiều khó khăn, bởi vậy, Ban lãnh đạo công ty đã chủ động điều chỉnh các mục tiêu đầu tư, tạm hoãn đầu tư vốn vào Dự án BĐS Sky Park Residen.

Cũng trong năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác mỏ đá Sao Thổ - Hà Tĩnh. Việc ký kết và triển khai thực hiện hợp đồng sẽ giúp Công ty đảm bảo một phần doanh thu và lợi nhuận trong một thời gian nhất định. Đặc biệt sẽ giúp Công ty tiếp tục sử dụng thiết bị từ Công trình thủy điện Bản Chát và hệ thống máy móc thiết bị thi công cơ giới công ty nhận bàn giao từ LICOGI 16.9.

Ngoài ra, việc hợp tác đầu tư trong lĩnh vực này cũng tạo điều kiện và tiền đề để công ty tập trung phát triển sang lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng theo đúng định hướng của công ty.

Sau hơn ba tháng triển khai thực hiện hợp đồng, Công ty đã bước đầu cơ bản hoàn thành công tác san ủi mặt bằng mỏ, xây dựng hạ tầng cơ bản mỏ và phụ trợ lán trại, đang tiến hành xây dựng hệ thống móng trạm, hệ thống điện để chuẩn bị lắp đặt thiết bị nghiền sàng, phân đấu đưa mỏ vào khai thác và hình thành doanh thu trong tháng 3/2013.

4. Trong công tác tổ chức nhân sự.

Năm 2011 vừa qua, Công ty đã thực hiện thành công việc thu hút và xây dựng lực lượng lao động - một tiền đề quan trọng trong việc phát triển bền vững công ty.

Tại công trình thủy điện Bản Chát, Công trình Núi Pháo và các công trình khác của Công ty đã tổ chức được đội ngũ CBCNV được đào tạo bài bản, làm chủ công nghệ, làm chủ thiết bị, thi công mang tính chuyên nghiệp với chất lượng và trình độ kỹ thuật cao, được chủ đầu tư và đơn vị tư vấn đánh giá là lực lượng thi công RCC chuyên nghiệp. Lực lượng lao động này đã được công ty huấn luyện kỹ lưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, cũng như công tác an toàn vệ sinh lao động trong quá trình làm việc tại công trường. Ngoài ra, công ty cũng xây dựng được đội ngũ cán bộ kỹ thuật có năng lực và có trình độ, hoàn toàn làm chủ được kỹ thuật thi công, làm tốt công tác thanh toán thu hồi vốn, từ đó góp phần nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty tại các công trình này.

Cũng trong năm 2012, công ty đã rất chú trọng thực hiện công tác đào tạo nguồn nhân lực, thường xuyên tổ chức các khoá học, các khoá huấn luyện nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng làm việc cho cán bộ công nhân viên. Từ Ban Giám đốc công ty, trưởng phó các phòng ban, và nhân viên khối văn phòng đều được cử tham gia các khoá đào tạo, các khoá huấn luyện nhằm nâng cao kỹ năng quản lý, kỹ năng làm việc, kỹ năng giao tiếp để thực hiện công việc.

Nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc của CBCNV, công ty đã tổ chức các cuộc thi chuyên đề, các phong trào thi đua lao động, bình xét và khen thưởng danh hiệu tập thể xuất sắc, cá nhân tiêu biểu đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2012.

5. Trong công tác quan hệ nhà đầu tư

Năm 2012, Công ty đã tổ chức phát hành cổ phiếu ra công chúng để sáp nhập Công ty cổ phần LICOGI 16.9 vào Công ty LICOGI 166 tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 76 tỷ đồng.

Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cũng thực hiện tốt công tác quan hệ với nhà đầu tư và quan hệ công chúng, mọi thông tin liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, tới tình hình tài chính . . . đều được công bố với cơ quan chức năng, và đăng công khai trên trang điện tử của công ty cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, truyền hình)

Trong năm 2012 vừa qua, công ty đã đón tiếp nhiều lượt nhà đầu tư là các cá nhân, các tổ chức, các ngân hàng, các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán . . . tới tìm hiểu cơ hội đầu tư tại công ty. Tính tới thời điểm 21/02/2013, công ty có tổng cộng 578 cổ đông, trong đó hơn 10 cổ đông là các tổ chức, các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán.

II. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2012

- Quản trị công ty được điều chỉnh áp dụng theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính về Quản trị nội bộ công ty và điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Thực hiện quản trị công ty, công bố thông tin đại chúng bằng quy chế quản trị công ty, quy trình công bố thông tin, các quy chế quản lý nội bộ khác.
- Thay đổi vốn điều lệ của Công ty từ 60 tỷ đồng lên 76 tỷ đồng.
- Niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Điều chỉnh qui chế trả lương, thưởng theo hướng thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trên nguyên tắc công bằng. thực hiện

nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động trong Công ty.

III. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Nhằm xây dựng công ty trở thành một tổ chức lớn mạnh và bền vững, có vị thế và có uy tín trong lĩnh vực mà công ty tham gia, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã thống nhất định hướng phát triển hoạt động của công ty vào các lĩnh vực chính gồm: Lĩnh vực thi công xây lắp; lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Với định hướng phát triển như trên, Hội đồng quản trị đã thống nhất xác định các trọng tâm hoạt động của Công ty năm 2013 như sau:

1. Về lĩnh vực thi công xây lắp và thi công cơ giới

- Công trình Bản Chát:
 - Hoàn thành công tác thi công CVC đỉnh đập, nhà vận hành cửa lấy nước ngày 3/02/2013.
 - Hoàn thành công tác thi công bê tông CVC bù hạ lưu đập ngày 30/6/2013;
 - Hoàn thành hồ sơ nghiệm thu tổng thể trước ngày 30/01/2013;
 - Hoàn thành hồ sơ thanh toán chi phí làm đêm, bơm nước vét bùn, khối lượng biện pháp và các hồ sơ tồn đọng trước ngày 30/3/2013;
 - Hoàn thành hồ sơ nghiệm thu bê tông CVC đường vận hành đỉnh đập, bù hạ lưu đập trước ngày 30/9/2013.
- Công trình RE II - Hưng Yên:
 - Hoàn thành để bàn giao đưa vào sử dụng các gói thầu tại Dự án năng lượng nông thôn 2 tỉnh Hưng Yên vào ngày 30/4/2013;
- Công trình trượt thác điều áp - thủy điện Nậm Tha 4: Kết thúc thi công và hoàn thành công tác thu hồi vốn ngày 15/3/2013.
- Công trình san lấp mặt bằng khu kinh tế Nghi Sơn: Bắt đầu triển khai thi công vào tháng 3/2013.
- Công trình Thủy điện Sông Nam Sông Bắc: Bắt đầu triển khai thi công trong quý 3/2013.
- Dự án khu KT Vũng Áng: Bắt đầu triển khai khi công trong quý 1/2013
- Và một số công trình cũng như một số hợp đồng thi công xây lắp khác

2. Về lĩnh vực kinh doanh thương mại

- Tổ chức và thực hiện tốt gói thầu cung cấp tro bay cho dự án thủy điện Xêkaman1 theo đúng hợp đồng đã giao kết với Công ty cổ phần Sông Đà 4;

- Thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành và kinh doanh điện nước cho các đơn vị thi công tại công trình thủy điện Bản Chát;
- Và một số hoạt động kinh doanh khác;

3. Về hoạt động khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng

- Hoàn thiện công tác đầu tư hạ tầng cơ bản mỏ và các hạng mục phụ trợ tại mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh, phần đầu mục tiêu phát sinh doanh thu dự án trong tháng 3/2013, tổng doanh thu của mỏ đá này trong cả năm 2012 là 70 tỷ đồng
- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý và công tác đầu tư tại mỏ đá Hoàng Đại Thành - Yên Bái, phần đầu mục tiêu có doanh thu kinh doanh đá trong tháng 3/2013, dự kiến doanh thu đạt được của dự án này trong năm 2013 ước khoảng 70 tỷ đồng.
- Xúc tiến thực hiện công tác sản xuất và cung cấp vữa bê tông cho Dự án Vũng áng – Hà Tĩnh của tập đoàn Formusa, dự kiến cấp 100.000 m³ trong năm 2013.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Theo báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán,

Tổng tài sản của Công ty vào thời điểm 31/12/2012 đạt giá trị **308.428.232.473** đồng.

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 là **11.705.579.019** đồng;

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012
1	Khả năng thanh toán			
a	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,07	1,22
b	Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1.23	1,31
2	Khả năng sinh lợi			
a	ROA	%	5,4	3,8
b	ROE	%	21,0	10,8

2. Các hệ số phù hợp trong kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2012
1	Cơ cấu tài sản		
a	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	15,69
b	- Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	84,31
2	Cơ cấu nguồn vốn		
a	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	64,77
b	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	35,23

3. Phân tích tình hình tài chính Công ty

Về chỉ tiêu cơ cấu tài sản: Năm 2012 Công ty không tập trung đầu tư đầu tư máy móc thiết bị, mà chỉ tập trung nguồn vốn để triển khai thực hiện các hợp đồng đã giao kết, bởi vậy chỉ tiêu tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản của công ty nhìn chung còn tương đối thấp. Tuy nhiên cơ cấu tài sản hiện nay của Công ty được cho là an toàn, đảm bảo cân đối cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn toàn phù hợp với đặc thù chung của ngành xây dựng.

Về chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn: Với tỷ suất nợ là 64,77%, tỷ suất tự tài trợ là 35,23 % như hiện nay cho thấy, Công ty vẫn duy trì được tính tự chủ về tài chính ở mức an toàn.

Về chỉ tiêu khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán nhanh cũng như khả năng thanh toán hiện hành của công ty năm 2012 đều tăng cao hơn so với năm 2011, điều này thể hiện công ty đã dần tích lũy được nguồn lực để đáp ứng cho yêu cầu sản xuất kinh doanh của mình. Với hệ số thanh toán hiện hành là 1,31 (lớn hơn 1) như hiện nay cho thấy, khả năng thanh toán của Công ty vẫn đảm bảo ở mức rất an toàn đối với các khoản nợ của mình.

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Chỉ số ROA của công ty năm 2012 giảm so với chỉ số của năm 2011. Chỉ số ROE năm 2012 giảm so với năm 2011, ở mức 10,8% so với mức 21,0%.

4. Giá trị sổ sách của công ty

Trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012, Vốn chủ sở hữu của Công ty là tại thời điểm 31/12/2012 được phản ánh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012	108.653.257.187 đồng
2	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000 cổ phần
3	Giá trị sổ sách của cổ phiếu LCS	14.296,48 đồng/cổ phần

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, cũng như các yếu tố khách quan về điều kiện thời tiết đã ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh, song Công ty vẫn đạt được kết quả rất khả quan về các chỉ tiêu về tài chính, cũng như chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận . . .

Một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản đạt được trong năm 2012

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012
I	Tổng tài sản	352.559.688.499	308.428.232.473
A	Tài sản ngắn hạn	319.788.573.053	260.024.150.151
1	Tiền và các khoản tiền tương đương	12.492.392.466	3.206.566.437
2	Phải thu ngắn hạn	258.573.153.250	231.520.369.964
3	Hàng tồn kho	40.664.810.149	17.460.607.818
4	Tài sản ngắn hạn khác	2.236.832.388	2.361.458.182
B	Tài sản dài hạn	32.771.115.446	48.404.082.322
1	Tài sản cố định hữu hình	28.143.115.446	40.400.802.645
2	Chi phí XDCB dở dang	1.035.213.000	1.035.213.000

3	Đầu tư tài chính dài hạn	4.628.000.000	4.094.000.000
II	Tổng nguồn vốn	352.559.688.499	308.428.232.473
A	Nợ phải trả	262.116.516.042	199.774.975.286
1	Nợ vay ngắn hạn	261.010.817.049	199.119.648.176
2	Vay và nợ dài hạn	1.105.698.993	655.327.110
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	90.443.172.457	108.653.257.187
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	76.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	4.822.978.000	7.616.480.409
III	Kết quả hoạt động s/xuất, k/doanh		
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	1.015.640.561.066	563.279.530.881
2	Doanh thu thuần về BH và CCDV	1.015.640.561.066	563.279.530.881
3	Giá vốn hàng bán	960.455.489.935	532.979.227.203
4	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	55.185.071.131	56.202.103.173
5	Thuế TNDN	4.813.449.997	3.139.411.361
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.035.910.750	11.705.579.019

III. NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- Mặc dù năm 2012 là năm khó khăn cho toàn bộ nền kinh tế, tuy nhiên công ty đã hoàn thành được những chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đã đề ra, mang lại kết quả lợi nhuận khả quan, đảm bảo chi trả cổ tức 10 % cho cổ đông.
- Công tác thu hồi công nợ được thực hiện một cách hiệu quả, bởi vậy đã giúp Công ty vượt qua áp lực về tài chính, đồng thời đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012.
- Cùng song hành với chương trình tái cấu trúc của Công ty mẹ và toàn hệ thống, Công ty cổ phần 166 đang từng bước xây dựng hình ảnh một công ty chuyên nghiệp thông qua việc kiện toàn bộ máy nhân sự, chú trọng xây dựng nguồn nhân lực cả về chất và lượng, quan tâm và đảm bảo ổn định các chế độ phúc lợi cho CBCNV.
- Xây dựng quy chế trả lương trả thưởng rõ ràng và minh bạch, duy trì ổn định các chế độ phúc lợi xã hội, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng thành viên đối với Công ty, gắn liền chế độ tiền lương với năng suất và chất lượng công việc, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Năm 2012 Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, dự phòng bảo hành công trình và xác định dở dang hợp lý, đảm bảo giá trị có thể thực hiện cho năm 2013.

IV. KẾ HOẠCH NĂM 2013

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Tỷ lệ so với 2012
1	Doanh thu	563.279	302.803	53,75 %
2	Lợi nhuận trước thuế	14.845	13.638	91,87 %
3	Vốn điều lệ	76.000	76.000	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	11.706	10.228	87,37 %
5	Tỷ lệ cổ tức	10%	10 %	100%
6	Nộp ngân sách	14.058	9.766	69.46 %
7	Thu nhập bình quân	6	6,5	108,3 %

2. Các mục tiêu trong lĩnh vực thi công xây lắp và thi công cơ giới

Tập trung chỉ đạo sản xuất để triển khai tốt, đảm bảo tiến độ thi công các công trình chuyển tiếp từ năm 2012 và các công trình mà công ty mới trúng thầu, như:

- Tập trung hoàn thành công tác thi công bê tông CVC tại Công trình thủy điện Bản Chát theo đúng kế hoạch tiến độ.
- Tập trung thực hiện các công việc cần thiết để bàn giao đưa vào sử dụng các gói thầu tại Dự án năng lượng nông thôn 2 tỉnh Hưng Yên.
- Kết thúc và hoàn thành công tác thu hồi vốn công trình trượt tháp điều áp Thủy điện Nậm Tha 4
- Bắt đầu triển khai thi công Công trình san lấp mặt bằng khu kinh tế Nghi Sơn vào tháng 3/2013.
- Phấn đấu triển khai thi công Dự án khu kinh tế Vũng Áng vào quý 1/2013 và dự án Thủy điện Sông Nam Sông Bắc vào quý 3/2013.
- Và một số công trình cũng như một số hợp đồng thi công xây lắp khác

3. Trong hoạt động kinh doanh thương mại

- Tổ chức và thực hiện công tác phân phối tro bay một cách ổn định và kịp thời, đảm bảo cung cấp đủ lượng tro bay phục vụ sản xuất bê tông RCC cho công trình Công trình thủy điện Xêkaman 1.
- Thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành và kinh doanh điện nước cho các đơn vị thi công tại Công trình thủy điện Bản Chát;
- Và một số hoạt động đầu tư khác;

4. Trong hoạt động khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng

- Hoàn thiện công tác đầu tư hạ tầng cơ bản mỏ và các hạng mục phụ trợ tại mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh, phần đầu mục tiêu phát sinh doanh thu dự án trong tháng 3/2013, tổng doanh thu của mỏ đá này trong cả năm 2012 là 70 tỷ đồng
- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý và công tác đầu tư tại mỏ đá Hoàng Đại Thành - Yên Bái, phần đầu mục tiêu có doanh thu kinh doanh đá trong tháng 3/2013, dự kiến doanh thu đạt được của dự án này trong năm 2013 ước khoảng 70 tỷ đồng.

5. Trong hoạt động đầu tư

Để thực hiện định hướng mở rộng hoạt động sang lĩnh vực sản và lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng - một lĩnh vực tiềm năng mà công ty có lợi thế, năm 2013 công ty sẽ tập trung tìm kiếm cơ hội để đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực này như:

- Tiếp tục góp vốn đầu tư khai thác mỏ đá Sao Thổ theo hợp đồng hợp tác đã ký với Công ty cổ phần Sao Thổ Hà Tĩnh, tạo việc làm ổn định và lâu dài cho lực lượng thi công cơ giới;
- Mua lại 50% phần vốn góp của Công ty TNHH Hoàng Đại Thành để giành quyền khai thác mỏ đá Hoàng Đại Thành bán cho dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và một số công trình giao thông tại địa phương.
- Tập trung đầu tư máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực thi công của công ty đối với các hợp đồng và các gói thầu đã ký kết, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường, tạo tiền đề để công ty tổ chức tham gia đấu thầu và tìm kiếm các hợp đồng xây lắp mới.

Trên cơ sở định hướng và danh mục dự án dự kiến đầu tư như trên, năm 2013 Công ty sẽ thực hiện với tổng mức đầu tư dự kiến là 72.972 triệu đồng. Trong đó:

- + Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thi công với tổng giá trị là 31.600 triệu đồng.
- + Đầu tư tài sản cố định với tổng giá trị là 887 triệu đồng.
- + Tiếp tục góp vốn đầu tư dự án khai thác mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh theo hợp đồng đã ký kết với tổng giá trị đầu tư là 30.685 triệu đồng.

- + Xúc tiến đầu tư thực hiện công tác sản xuất và cung cấp vữa bê tông cho Dự án Vũng áng – Hà tĩnh của tập đoàn Formusa, dự kiến cấp 100.000 m³ trong năm 2013.
- + Đầu tư mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH Hoàng Đại Thành và đầu tư hạ tầng để khai thác mỏ đá Hoàng Đại Thành với tổng giá trị là 9.500 triệu đồng.
- + Đầu tư mua sắm thiết bị văn phòng là 300 triệu đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

a. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Trung tâm thương mại Daeha, 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Tel: 04 38315100 Website: ey.com/vn

b. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần LICO GI 166 (“Công ty”) được trình bày từ trang 5 đến trang 38 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán này đề ngày 23 tháng 02 năm 2012 đã đưa ra ý kiến là chấp thuận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm các việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12

năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

c. Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có

2. Kiểm soát nội bộ

a. Nhận xét đánh giá:

Năm 2012 tiếp tục là năm khó khăn cho toàn bộ nền kinh tế, tình hình khó khăn về vốn và công việc kéo dài và đã có không ít công ty công bố kết quả lỗ trong năm. Tuy nhiên, lợi nhuận của Công ty vẫn đạt được kết quả đáng khích lệ so với kế hoạch đề ra.

Ban kiểm soát đánh giá cao sự nỗ lực của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể CBCNV công ty trong việc định hướng, điều hành và thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình trong toàn bộ hoạt động. Trong năm 2012, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã thực thi quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông, bám sát các mục tiêu, các định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể.

Năm 2012 là năm Công ty tiếp tục gặt hái thành công tại Công trình thủy điện Bản Chát với tỷ trọng lợi nhuận chiếm 83% trong tổng số LN gộp của Công ty. Bên cạnh đó lĩnh vực kinh doanh kinh doanh tro bay công trình thủy điện Bản Chát cũng góp phần mang lại lợi nhuận đáng kể.

Công tác thu hồi công nợ tốt là yếu tố quan trọng giúp Công ty vượt qua áp lực về vốn và là huyết mạch giúp Công ty vận hành thông suốt trong năm 2012.

Cùng song hành với chương trình tái cấu trúc của Công ty mẹ và toàn hệ thống, Công ty 166 đang từng bước xây dựng hình ảnh một công ty chuyên nghiệp thông qua việc kiện toàn bộ máy nhân sự, chú trọng xây dựng nguồn nhân lực cả về chất và lượng, quan tâm và xây dựng phúc lợi cho CBCNV, khuyến khích tư duy, sáng tạo và hiệu quả công việc.

Năm 2012 Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thực hiện đúng các quy định hiện hành của Pháp luật Nhà nước, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, quyết định của Giám đốc Công ty ban hành đúng thẩm quyền. Ban Giám đốc bám sát vào Nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT để thực hiện các chỉ tiêu năm 2012.

Hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để sáp nhập LICOGI 16.9 vào LICOGI 16.6, tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 76 tỷ đồng, đồng thời thực hiện việc lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phần phát hành thêm vào tháng 01/2013, việc sáp nhập đem

lại nhiều lợi thế cho công ty trong lĩnh vực thi công xây lắp nhưng cũng không ít khó khăn do lĩnh vực thi công phức tạp, kinh nghiệm quản lý còn hạn chế.

Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết đại hội.

Chỉ đạo công tác xây dựng quy chế quản lý nội bộ và đã ban hành được quy chế quản trị công ty và quy chế quản lý tài chính vào những ngày đầu tiên năm 2013.

Hội đồng Quản trị, ban Giám đốc giữ mối quan hệ thường xuyên với Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát được tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT mở rộng.

Chủ động và nỗ lực trong công tác tìm kiếm việc làm và có kết quả rất khả quan nhằm đảm bảo việc làm cho cả năm 2012 và 2013.

Hoạt động của Công ty đều phù hợp với ngành nghề đã đăng ký kinh doanh theo đúng quy định trong giấy phép kinh doanh.

Công ty đã chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, tạm ứng cổ tức, thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho các cổ đông, nhà đầu tư.

b. Kiến nghị

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy chế, quy định quản lý nội bộ. HĐQT chỉ đạo sát sao và đôn đốc việc xây dựng, ban hành các quy chế, quy định quản lý này.

Đề nghị HĐQT cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý rủi ro, chú trọng đến việc đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty. Kien toàn và nâng cao năng lực của bộ phận quản trị rủi ro, chú trọng có biện pháp tích cực đối với công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là những công nợ kéo dài.

Để công tác triển khai và quản lý các dự án đạt được hiệu quả, Công ty cần rà soát lại các yếu tố chi phí đầu vào, quản lý chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, tính toán chính xác giá thành sản phẩm để có giải pháp điều chỉnh về sản lượng, giá thành đảm bảo hiệu quả của dự án. Xây dựng các chính sách, quy định cụ thể và có công cụ hỗ trợ cho việc quản lý dự án, xây dựng phương thức giao khoán, giao thầu và quản lý nguyên vật liệu hiệu quả. Khi dự án kết thúc cần phân tích, đánh giá chi tiết, cụ thể.

Tiếp tục thanh lọc bộ máy, tuyển dụng và bố trí nhân sự phù hợp. Củng cố, hoàn thiện và đào tạo bộ máy nhân sự có chuyên môn và có trình độ, đặc biệt chú trọng nhân sự phục vụ trong lĩnh vực xây lắp vì đây là lĩnh vực dự kiến tạo ra nguồn doanh thu chính trong năm 2013.

Xây dựng hệ thống kế toán quản trị, hệ thống phân tích, đánh giá, dự báo rủi ro tài chính nhằm cung cấp thông tin kịp thời hữu ích cho Ban lãnh đạo.

Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trung và dài hạn, kế hoạch tài chính cụ thể phục vụ sản xuất kinh doanh và là cơ sở để lãnh đạo ra những quyết sách đúng đắn, kịp thời.

Tiến hành thanh lý những tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc không thể sử dụng, đầu tư mới tài sản thiết bị cần cho sản xuất. Gắn trách nhiệm cá nhân với thiết bị được giao quản lý.

Tiếp tục rà soát và tiết giảm chi phí quản lý.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty cổ phần LICOGI 16

Công ty cổ phần LICOGI 16 là thành viên sáng lập của Công ty. Hiện nay, Công ty cổ phần LICOGI 16 đang nắm giữ 4.307.753 cổ phần của Công ty tương ứng với tỷ lệ 56,68 % tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Công ty cổ phần LICOGI 16 đã đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là LCG.

2. Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

Hiện nay, LICOGI 166 vừa là cổ đông chiến lược, đồng thời là nhà đầu tư lớn nắm giữ 890.000 cổ phần của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường, tương ứng với tỷ lệ 9,89% vốn điều lệ của Công ty này.

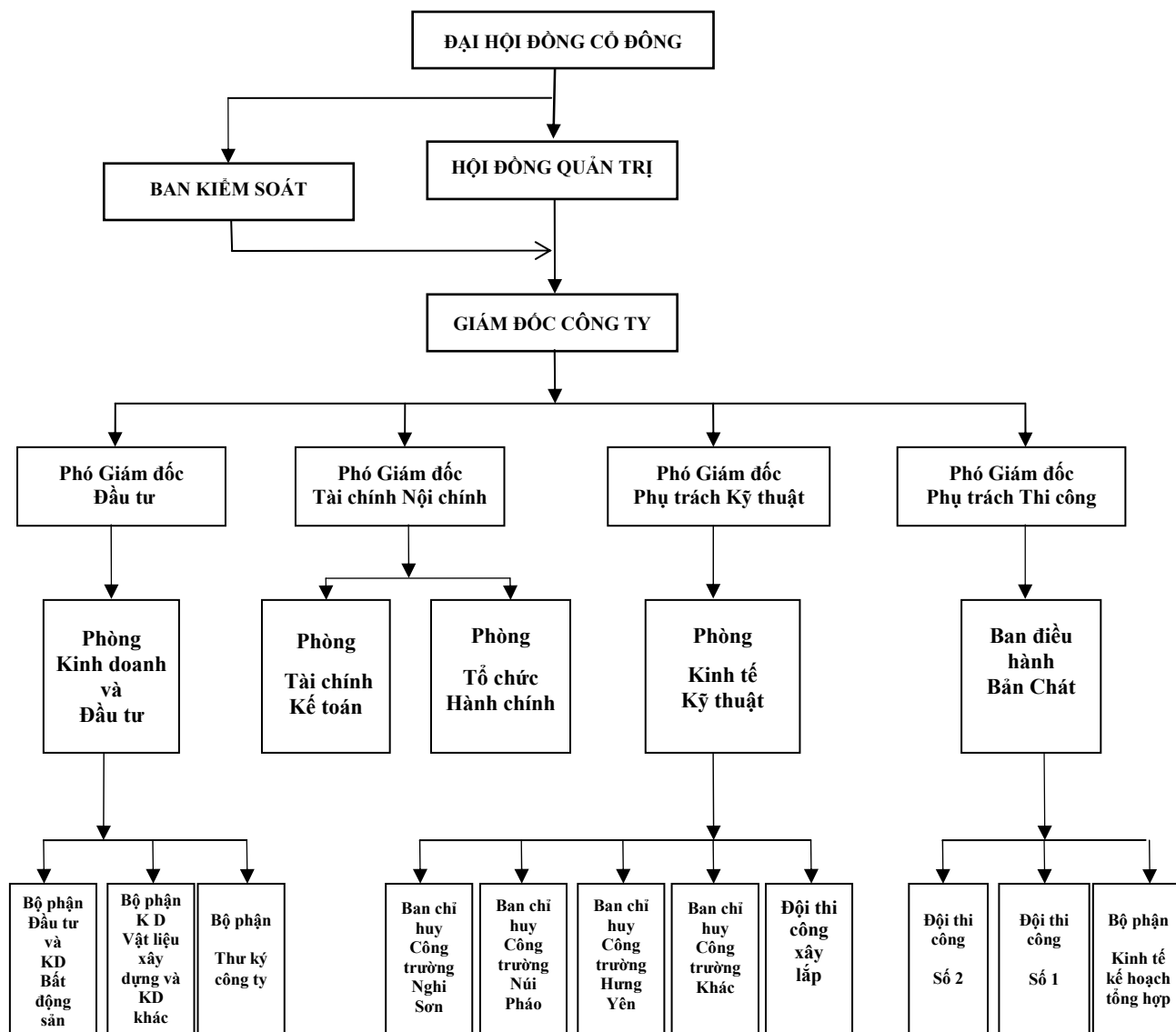
Để quản lý phần vốn góp của mình, LICOGI 166 đã cử một thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc tham gia Hội đồng quản trị và Ban giám đốc của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Sơ đồ tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166



2. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công

ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

4. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

5. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

6. Các phòng nghiệp vụ của Công ty

a. Phòng Kinh tế - Kỹ thuật

Phòng Kinh tế - Kỹ thuật là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Kinh tế - Kỹ thuật có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc công ty thực hiện nhiệm vụ quản lý và triển khai công việc trong các lĩnh vực Khoa học kỹ thuật, Kinh tế, Kế hoạch, Thị trường và Vật tư.

b. Phòng Kinh doanh và Đầu tư

Phòng Kinh doanh và Đầu tư là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Kinh doanh và Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty thực hiện công tác tổ chức và triển khai các hoạt động kinh doanh thương mại, các hoạt động đầu tư và các hoạt động nghiệp vụ khác có liên quan, và nhiệm vụ thư ký công ty

c. Phòng Kế toán – Tài chính

Phòng Kế toán- Tài chính là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Kế toán – Tài chính có nhiệm vụ tham mưu và giúp việc cho giám đốc Công ty thực hiện chức năng quản lý về tài chính và kế toán trong Công ty: Xây dựng kế hoạch, theo dõi và quản lý tình hình sử dụng các nguồn vốn, đề xuất các biện pháp phát triển nguồn vốn; Phân tích hoạt động kinh tế phục vụ cho công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty; Tổ chức điều hành công tác kế toán, xây dựng và thực hiện các hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán; Xây dựng và tổ chức thực hiện trình tự luân chuyển chứng từ kế toán phục vụ công tác hạch toán kế toán và thống kê của Công ty. Kiểm tra kiểm soát chứng từ kế toán đảm bảo các nguyên tắc

quản lý tài chính của Nhà nước và Công ty. Lập và gửi Báo cáo tài chính tháng, quý, năm theo quy định của Nhà nước và Công ty.

d. Phòng Tổ chức – Hành chính

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Tổ chức – Hành Chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc công ty thực hiện chức năng quản lý về Tổ chức - Lao động - Tiền lương - Thi đua - Hành chính - Quản trị - Bảo vệ và Thanh tra - Pháp chế.

e. Phòng Quản lý thiết bị

Phòng quản lý thiết bị là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Quản lý thiết bị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty thực hiện chức năng quản lý về máy móc, thiết bị

II. BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Thành phần Ban Giám đốc công ty

BAN GIÁM ĐỐC	CHỨC VỤ
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Giám đốc
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Hoàng Châu	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Long Hưng	Phó Giám đốc

2. Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Đồng - Giám đốc Công ty

- Ngày tháng năm sinh: 31/08/1979 Nơi sinh: Quảng Bình
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: D120, Chung cư đường số 20, phường 5, Gò Vấp, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

Ông Trần Đình Tuấn – Phó Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 20/08/1958 Nơi sinh: Thanh Hóa
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 25 - D6, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán

Ông Vũ Đình Dũng – Phó Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 27/12/1958 Nơi sinh: Hải Dương
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: P. 303 - A11 - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

Ông Trần Hoàng Châu – Phó Giám đốc, kiêm trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật

- Ngày tháng năm sinh: 07/03/1973 Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Nhà 14 Ngách 14/31 Phố Pháo Đài Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Ông Nguyễn Long Hưng - Phó Giám đốc, kiêm trưởng phòng Quản lý thiết bị

- Ngày tháng năm sinh: 20/8/1972 Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: TT Xí nghiệp cơ giới 13, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí - chuyên ngành Máy xây dựng

3. Thay đổi thành viên Ban giám đốc

Trong năm 2012, công ty đã có các quyết định thay đổi nhân sự cấp cao trong Ban Giám đốc Công ty như sau:

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Long Hưng giữ chức Phó Giám đốc Công ty ngày 20/4/2012.

4. Chính sách đối với người lao động

+ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Tuy nhiên, thời gian làm việc tại các công trường sẽ được bố trí phù hợp với yêu cầu thi công trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghỉ Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp, công ty cố gắng cải tạo các phòng làm việc một cách khoa học, khang trang; đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

+ Chính sách đào tạo

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

+ Chính sách lương

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người, cùng các chế độ quy định của Nhà nước.

Đối với lao động trong Công ty được xếp theo thang bảng lương của Nhà nước tại Nghị định 203, 205 của Chính phủ. Ngoài chế độ lương cơ bản người lao động còn được hưởng lương năng suất theo đơn giá tiền lương đã được HĐQT phê duyệt.

+ Chính sách thưởng:

Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, hàng Quý, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỷ luật để khen thưởng, mức thưởng cho mỗi CBCNV bình quân từ nửa tháng đến một lương/quý.

Công ty còn xây dựng quỹ khen thưởng đặc biệt của Giám đốc, để khen thưởng đột xuất, kịp thời đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong sáng kiến lao động sản xuất...

+ Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ.

Khi điều kiện sản xuất cho phép Công ty thường tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV trung bình mỗi năm một lần.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG**I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT****1. Cơ cấu****a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	
Ông Vũ Công Hưng	Thành viên	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên	Kiểm nhiệm Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên	Kiểm nhiệm Phó Giám đốc
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên	Kiểm nhiệm Phó Giám đốc
Ông Trịnh Thế Dũng	Thành viên	Thành viên độc lập
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên	Thành viên độc lập

Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị đề ra chủ trương, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và dài hạn trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua, Hội đồng quản trị chỉ đạo và điều hành Ban Giám đốc công ty tổ chức thực hiện.

HDQT Công ty không thành lập các tiểu ban mà phân công từng thành viên HDQT phụ trách từng phần công việc cụ thể như: phụ trách đầu tư, xây dựng cơ bản, Tổ chức nhân sự, Tài chính ...

Ông Bùi Dương Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 02/9/1958
- Địa chỉ thường trú: Số 4A, khu nhà ở thấp tầng LICOGI 13, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Ông Vũ Công Hưng – Thành viên HDQT

- Ngày tháng năm sinh: 18/12/1973
- Địa chỉ thường trú: Phòng B2410, nhà B chung cư 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng; C.E.O

Ông Nguyễn Quốc Đồng - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

- Ngày tháng năm sinh: 31/08/1979 Nơi sinh: Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: D120, Chung cư đường số 20, phường 5, Gò Vấp, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

Ông Trần Đình Tuấn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty

- Ngày tháng năm sinh: 20/08/1958
- Địa chỉ thường trú: Số 25 - D6, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán

Ông Vũ Đình Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty

- Ngày tháng năm sinh: 27/12/1958
- Địa chỉ thường trú: P. 303 - A11 - Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Xây dựng

Ông Lê Văn Hoạch - Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 18/8/1959
- Địa chỉ thường trú: Số 23-D6 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy thủy lực, Cử nhân Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị.

Ông Trịnh Thế Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 16/7/1958
- Địa chỉ thường trú: Số 56/8 Nam Cao, P.Tân Sơn, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị, Lý luận chính trị cao cấp

b. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Thuỷ	Trưởng ban	
Ông Trần Anh Khiêm	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên	

Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Được quyền xem xét, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm tính chính xác, trung thực về tình hình hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Để chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị định kỳ tổ chức các cuộc họp để đánh giá tình hình hoạt động, nắm bắt và xử lý các vấn đề có liên quan tới hoạt động của công ty. Tại các cuộc họp này, Ban giám đốc phải báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư, tình hình tài chính . . . của công ty trước HĐQT. Ngoài ra, các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi công việc với Ban Giám đốc bằng điện thoại, email . . để kịp thời nắm bắt và nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh nhưng vượt quá thẩm quyền của Ban giám đốc.

Đồng thời, do một số thành viên HĐQT cũng là thành viên Ban giám đốc (*ông Nguyễn Quốc Đồng kiêm Giám đốc, ông Trần Đình Tuấn và ông Vũ Đình Dũng kiêm Phó Giám đốc*), bởi vậy công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc, cũng như việc báo cáo, cung cấp thông tin của Ban Giám đốc đối với HĐQT diễn ra rất thuận lợi và kịp thời và nhanh chóng.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2012, Ban Kiểm Soát đã định kỳ thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty bao gồm các nội dung:

- Thẩm định báo cáo tài chính;
- Xác định tình hình thực hiện kế hoạch SXKD;
- Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- Xem xét việc ban hành nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc;
- Xem xét việc thực hiện chế độ tài chính kế toán, công tác quản lý kinh tế và các mặt hoạt động khác có liên quan trong quá trình hoạt động của công ty.

4. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Căn cứ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, năm 2012 Công ty chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát theo mức: Chủ tịch HĐQT là 5 triệu đồng/tháng; Ủy viên HĐQT là 3 triệu đồng/tháng, Trưởng BKS là 3 triệu đồng/tháng; thành viên BKS là 2 triệu đồng/tháng; thư ký HĐQT là 1 triệu đồng/tháng. Tổng số tiền thù lao của HĐQT và BKS năm 2012 là 372 triệu đồng.

Chi tiết:

• Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao năm 2012
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	60.000.000
Ông Vũ Công Hưng	Thành viên	36.000.000
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên	36.000.000
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên	36.000.000
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên	36.000.000
Ông Trịnh Thế Dũng	Thành viên	36.000.000
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên	36.000.000
Tổng cộng:		276.000.000

• Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thuỷ	Trưởng ban	36.000.000
Ông Trần Anh Khiêm	Thành viên	24.000.000
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên	24.000.000
Tổng cộng		84.000.000

• Thư ký Hội đồng quản trị: 12.000.000

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng tại thời 21/02/2013 được thống kê như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Vũ Công Hưng	Thành viên HĐQT	85.000	1,12%
3	Nguyễn Quốc Đồng	TV HĐQT/Giám đốc	3.000	0,04%
4	Vũ Đình Dũng	TV HĐQT/Phó giám đốc	14.300	0,19%
5	Trần Đình Tuấn	TV HĐQT/Phó giám đốc	4.000	0,05%
6	Lê Văn Hoạch	Thành viên HĐQT	4.800	0,06%
7	Trịnh Thế Dũng	Thành viên HĐQT	37.000	0,49%
8	Trần Hoàng Châu	Phó giám đốc	0	0%
9	Nguyễn Long Hưng	Phó giám đốc	9.600	0,13%
10	Nguyễn Thị Thuỷ	Trưởng BKS	3.000	0,04%
11	Trần Anh Khiêm	Thành viên BKS	2.500	0,03%
12	Nguyễn Anh Tú	Thành viên BKS	18.000	0,24%
13	Hà Thị Huê	Kế toán trưởng	5.100	0,07%

6. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người có liên quan

Giao dịch cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Thị Thanh Huyền	Nguyễn Quốc Đồng – Giám đốc	30.000	0,5%	0	0%	Bán

2	Vũ Đình Dũng TVHĐQT - Phó GD		14.300	0,24%	14.300	0,24%	Không thực hiện được
3	Hà Thị Huê - Kế toán trưởng		18.100	0,30%	5.100	0,08%	Bán

Các giao dịch khác: Không có

II. DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

1. Dữ liệu về cổ đông

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp ngày 26/02/2013 (*ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013*), số liệu về cổ đông của Công ty được thống kê như sau:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty: 7.600.000 cổ phần

Tổng số cổ đông của Công ty: 578 cổ đông

Trong đó:

Công đông là tổ chức: 10 cổ đông nắm giữ 4.319.198 cổ phần

Cổ đông là cá nhân: 568 cổ đông nắm giữ 3.280.802 cổ phần

2. Thông tin về cổ đông nhà nước

Không có

3. Thông tin về cổ đông nước ngoài

TT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP nắm giữ
1	Browne Jeffrey Child	IA3630	12555 Green Meadow Pl., Elm Grove, WI 23122, USA	9.800
2	Sato Mitsuo	IA2154	4-3-11-404 Roppongi, Minato-ku, Tokyo, Japan	500
3	Wataru Miyazawa	IS3232	6-5-5-603 chuourinkan Ymatoshi, Kanagawa-ken, Japan	100
	Tổng cộng			10.400

4. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

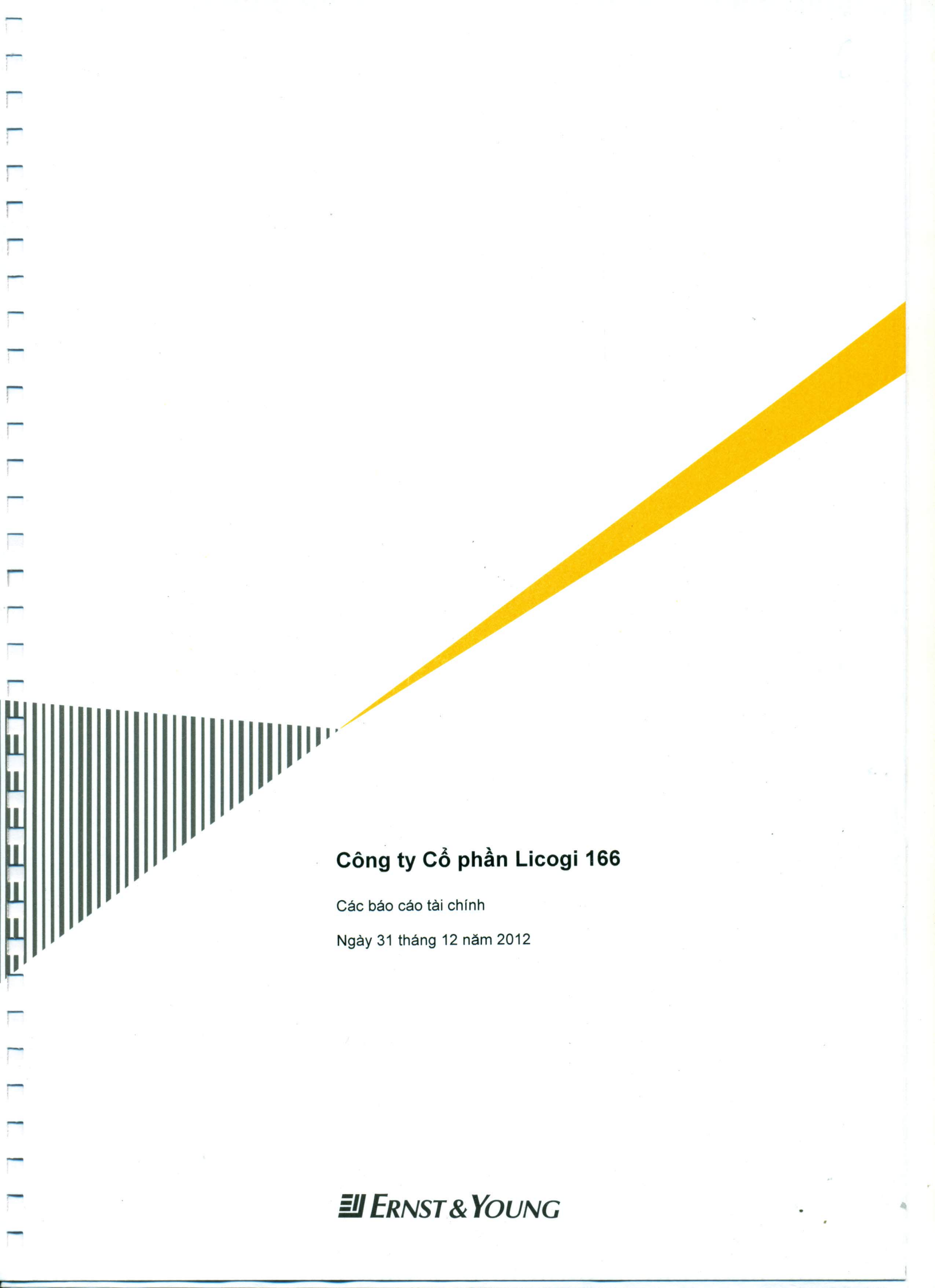
Như vậy tính tới thời điểm báo cáo, mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÙI DƯƠNG HÙNG



Công ty Cổ phần Licogi 166

Các báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Licogi 166

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 38

Công ty Cổ phần Licogi 166

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007 và cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 4 tháng 10 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty là:

- ▶ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;
- ▶ Kinh doanh điện, nước, khí nén;
- ▶ Kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- ▶ Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- ▶ Kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô;
- ▶ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (trừ kinh doanh bất động sản);
- ▶ Các hoạt động dịch vụ: cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác;
- ▶ Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng. Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí;
- ▶ Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng; các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình;
- ▶ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ▶ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, bao gồm: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, thiết bị phòng chữa cháy, lắp đặt hệ thống chống sét;
- ▶ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bao gồm: thiết bị phòng cháy chữa cháy;
- ▶ Hoạt động thiết kế chuyên dụng, bao gồm: thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy các công trình xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông Vũ Công Hưng	Thành viên
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên
Ông Trịnh Thế Dũng	Thành viên

Công ty Cổ phần Licogi 166

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy
Ông Trần Anh Khiêm
Ông Nguyễn Anh Tú

Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên
Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quốc Đồng
Ông Trần Hoàng Châu
Ông Vũ Đình Dũng
Ông Trần Đình Tuấn
Ông Nguyễn Long Hưng

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Đồng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 166

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Quốc Đồng
Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2013

JO-89
NHINH
NGTY
HIEN HUA
& YOE
ET JAN
HI NO
H TP

Số tham chiếu: 60992763/15624503

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 38 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán này đề ngày 23 tháng 2 năm 2012 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: N.1067/KTV



Lê Đức Trường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0816/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		260.024.150.151	319.788.573.053
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	3.206.566.437	12.492.392.466
111	1. Tiền		3.206.566.437	9.492.392.466
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	5.474.877.750	5.821.384.800
121	1. Đầu tư ngắn hạn		23.620.978.356	23.620.978.356
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(18.146.100.606)	(17.799.593.556)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		231.520.639.964	258.573.153.250
131	1. Phải thu khách hàng	7.1	218.910.497.589	256.672.282.842
132	2. Trả trước cho người bán	7.2	12.074.099.825	406.870.408
135	3. Các khoản phải thu khác	8	606.315.900	1.494.000.000
139	4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi		(70.273.350)	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	17.460.607.818	40.664.810.149
141	1. Hàng tồn kho		17.460.607.818	40.664.810.149
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.361.458.182	2.236.832.388
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		309.302.441	119.733.049
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		557.125.677	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		1.495.030.064	2.117.099.339
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		48.404.082.322	32.771.115.446
220	I. Tài sản cố định		40.400.802.645	28.143.115.446
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	39.365.589.645	27.107.902.446
222	Nguyên giá		74.963.291.651	53.637.545.086
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(35.597.702.006)	(26.529.642.640)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.035.213.000	1.035.213.000
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	4.094.000.000	4.628.000.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		8.900.000.000	8.900.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.806.000.000)	(4.272.000.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		3.909.279.677	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.909.279.677	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		308.428.232.473	352.559.688.499

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		199.774.975.286	262.116.516.042
310	I. Nợ ngắn hạn		199.119.648.176	261.010.817.049
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	47.385.124.851	29.992.604.091
312	2. Phải trả người bán	15	117.831.828.460	200.788.970.500
313	3. Người mua trả tiền trước		435.021.593	342.252.736
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.319.991.383	7.964.267.578
315	5. Phải trả người lao động		6.796.705.158	3.537.726.058
316	6. Chi phí phải trả	17	1.551.416.451	2.282.781.891
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	10.412.989.638	6.833.992.365
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	8.077.434.946	8.077.434.946
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	2.309.135.696	1.190.786.884
330	II. Nợ dài hạn		655.327.110	1.105.698.993
333	1. Phải trả dài hạn khác		173.773.993	179.073.993
334	2. Vay và nợ dài hạn	21	481.553.117	926.625.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		108.653.257.187	90.443.172.457
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	108.653.257.187	90.443.172.457
411	1. Vốn cổ phần	22.1	76.000.000.000	60.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	7.616.480.409	4.822.978.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển	22.6	4.820.322.287	2.473.170.485
418	4. Quỹ dự phòng tài chính	22.6	2.587.076.983	1.236.585.241
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	17.629.377.508	21.910.438.731
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		308.428.232.473	352.559.688.499

Đào Lan Tuyết
Người lập

Hà Thị Huê
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Đồng
Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	563.279.530.881	1.015.640.561.066
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	563.279.530.881	1.015.640.561.066
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(532.979.227.203)	(960.455.489.935)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.300.303.678	55.185.071.131
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	877.776.504	2.141.757.763
22	7. Chi phí tài chính	25	(6.953.354.819)	(23.103.115.775)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(6.072.847.769)	(7.873.362.070)
24	8. Chi phí bán hàng		(1.038.796.069)	(383.566.844)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(9.589.628.067)	(9.836.179.111)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.596.301.227	24.003.967.164
31	11. Thu nhập khác	26	1.961.118.182	-
32	12. Chi phí khác	26	(712.429.029)	(154.606.417)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	26	1.248.689.153	(154.606.417)
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		14.844.990.380	23.849.360.747
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(3.139.411.361)	(4.813.449.997)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.705.579.019	19.035.910.750
70	17. Lãi trên cổ phiếu	30		
	Lãi cơ bản		1.645	3.754
	Lãi suy giảm		1.645	3.754

Đào Lan Tuyết
Người lập

Hà Thị Huê
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Đồng
Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		567.099.636.857	534.671.578.013
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(554.999.235.151)	(484.294.882.292)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(9.773.668.533)	(31.587.462.989)
04	Tiền chi trả lãi vay		(5.678.883.522)	(7.873.362.070)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	28.2	(4.070.492.212)	(1.093.369.689)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.901.145.057	13.254.045.540
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.042.548.294)	(28.600.456.840)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(7.564.045.798)	(5.523.910.327)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.493.816.400)	(806.620.366)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.388.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.767.774.227	1.251.757.763
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(3.338.042.173)	445.137.397
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	23.635.483.500
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		94.784.932.783	113.493.395.228
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(81.198.648.841)	(131.241.247.155)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.970.022.000)	(8.200.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		1.616.261.942	(2.312.368.427)
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(9.285.826.029)	(7.391.141.357)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.492.392.466	19.883.533.823
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	3.206.566.437	12.492.392.466



Đào Lan Tuyết
Người lập



Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng



 Nguyễn Quốc Đồng
Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Licogi 166 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007 và cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 4 tháng 10 năm 2012.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- ▶ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;
- ▶ Kinh doanh điện, nước, khí nén;
- ▶ Kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- ▶ Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- ▶ Kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô;
- ▶ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (trừ kinh doanh bất động sản);
- ▶ Các hoạt động dịch vụ: cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác;
- ▶ Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng. Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí;
- ▶ Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng; các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình;
- ▶ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ▶ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, bao gồm: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, thiết bị phòng chữa cháy, lắp đặt hệ thống chống sét;
- ▶ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bao gồm: thiết bị phòng cháy chữa cháy;
- ▶ Hoạt động thiết kế chuyên dụng, bao gồm: thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy các công trình xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 311 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 503).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Các báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, bên cạnh việc tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (“CMKTVN số 10”) như trong các năm trước, Công ty bắt đầu thực hiện Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh* (tiếp theo)

Theo Thông tư 179, tại thời điểm cuối năm, các khoản tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Trong năm 2011, Công ty sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày báo cáo để thực hiện việc quy đổi này.

Thông tư 179 được áp dụng từ năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Ảnh hưởng của việc thay đổi từ sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng sang sử dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại trong việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm đến các báo cáo tài chính vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không đáng kể.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	bao gồm giá vốn nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thuê phụ và các chi phí có liên quan khác của các công trình xây lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 6 năm
Phương tiện vận tải	2 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc niên độ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản dự phòng

Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Công ty trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định trong hợp đồng với khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 5% trên tổng giá trị công trình xây lắp.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN số 10 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm trước. Bên cạnh CMKTVN số 10, bắt đầu từ năm 2012, Công ty áp dụng Thông tư 179 đối với các nghiệp vụ ngoại tệ như được trình bày trong Thuyết minh 3.1.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng xây lắp đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành thực tế vào ngày kết thúc năm tài chính và đã được khách hàng xác nhận khối lượng đã hoàn thành tại thời điểm đó. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm cuối năm tài chính nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. SÁP NHẬP VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.9

Vào ngày 1 tháng 8 năm 2012 Công ty đã ký Hợp đồng Sáp nhập số 01/2012/HĐSN với Công ty Cổ phần Licogi 16.9 ("Công ty Licogi 16.9"). Theo đó, Công ty đã phát hành thêm cổ phần để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phần của Công ty Licogi 16.9 theo tỷ lệ 1 cổ phần của Công ty Licogi 16.9 lấy 0,64 cổ phần của Công ty. Sau khi hoán đổi cổ phần, Công ty Licogi 16.9 chấm dứt hoạt động và sáp nhập toàn bộ tài sản, nợ phải trả vào Công ty. Các thủ tục pháp lý liên quan đến việc sáp nhập được chính thức hoàn thành vào ngày 4 tháng 10 năm 2012, khi Công ty Licogi 166 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Ban Giám đốc của Công ty đã đánh giá đây là một giao dịch hợp nhất kinh doanh giữa hai doanh nghiệp cùng dưới sự kiểm soát chung và đã áp dụng phương pháp kế toán hợp cộng để hạch toán cho giao dịch này. Theo đó:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của hai đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh từ thời điểm hợp nhất;
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào tài khoản Thặng dư vốn cổ phần trên vốn chủ sở hữu.

Chi tiết giao dịch sáp nhập được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh theo thị giá cổ phiếu mới phát hành	16.800.000.000
---	-----------------------

Giá trị của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Licogi 16.9 tại ngày mua:

Tài sản	
Tiền và tương đương tiền	11.216.224
Các khoản phải thu	2.176.924.938
Hàng tồn kho	7.740.779.974
Chi phí trả trước ngắn hạn	175.127.714
Tài sản ngắn hạn khác	384.536.015
Tài sản cố định hữu hình	17.418.806.609
Chi phí trả trước dài hạn	218.223.871

28.125.615.345

Nợ phải trả	
Nợ và vay	(3.361.158.268)
Phải trả người bán	(382.737.785)
Phải nộp ngân sách nhà nước	(40.453.688)
Phải trả người lao động	(334.826.329)
Chi phí phải trả	(406.788.549)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(3.735.296.203)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(169.688.752)

(8.430.949.574)

Tổng tài sản thuần	19.694.665.771
Chênh lệch giữa tổng giá phí hợp nhất kinh doanh và tổng tài sản thuần	2.894.665.771

Trong đó:

Thặng dư vốn cổ phần (Thuyết minh 22.1)	2.187.002.409
---	---------------

Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính (Thuyết minh 22.1)	707.663.362
--	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	80.878.804	781.052.317
Tiền gửi ngân hàng	3.125.687.633	8.711.340.149
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.206.566.437	12.492.392.466

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Licogi 16 (LCG)	693.022	23.620.978.356	693.022	23.620.978.356
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(18.146.100.606)	-	(17.799.593.556)
TỔNG CỘNG	693.022	5.474.877.750	693.022	5.821.384.800

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	10.878.407.327	2.583.505.367
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	208.032.090.262	254.088.777.475
TỔNG CỘNG	218.910.497.589	256.672.282.842

7.2 Trả trước cho người bán

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán	8.419.107.279	406.870.408
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	3.654.992.546	-
TỔNG CỘNG	12.074.099.825	406.870.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu cổ tức	-	890.000.000
Đặt cọc	600.000.000	600.000.000
Phải thu khác	6.315.900	4.000.000
TỔNG CỘNG	606.315.900	1.494.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>6.315.900</i>	<i>4.000.000</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 29)</i>	<i>600.000.000</i>	<i>1.490.000.000</i>

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>(trình bày lại)</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	1.358.705.270	3.091.643.189
Công cụ, dụng cụ	492.858.122	767.299.732
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.609.044.426	36.805.867.228
TỔNG CỘNG	17.460.607.818	40.664.810.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	8.554.256.647	38.015.102.670	6.543.865.976	524.319.793	53.637.545.086
- Mua trong năm	-	7.676.240.000	1.142.400.000	18.182.000	8.836.822.000
- Tăng từ sáp nhập với Licogi 16.9	1.835.615.314	17.132.091.055	14.397.514.477	146.459.410	33.511.680.256
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.447.402.598)	(647.127.195)	-	(2.094.529.793)
- Giảm khác	-	(18.928.225.898)	-	-	(18.928.225.898)
Số cuối năm	10.389.871.961	42.447.805.229	21.436.653.258	688.961.203	74.963.291.651
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	2.365.433.635	324.356.440	488.139.204	3.177.929.279
Giá trị hao mòn:					
Số đầu năm	643.206.822	21.850.148.186	3.649.228.241	387.059.391	26.529.642.640
- Khấu hao trong năm	290.886.248	9.960.184.270	2.076.943.585	106.354.427	12.434.368.530
- Tăng từ sáp nhập với Licogi 16.9	60.158.804	8.547.439.579	7.393.510.201	91.765.053	16.092.873.637
- Thanh lý, nhượng bán	-	(927.570.948)	(454.529.816)	-	(1.382.100.764)
- Giảm khác	-	(18.077.082.037)	-	-	(18.077.082.037)
Số cuối năm	994.251.874	21.353.119.050	12.665.152.211	585.178.871	35.597.702.006
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	7.911.049.825	16.164.954.484	2.894.637.735	137.260.402	27.107.902.446
Số cuối năm	9.395.620.087	21.094.686.179	8.771.501.047	103.782.332	39.365.589.645
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố /thế chấp</i>	8.554.256.647	9.783.445.887	2.220.487.275	-	20.558.189.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà văn phòng - Khu dân cư Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai	1.035.213.000	1.035.213.000
TỔNG CỘNG	1.035.213.000	1.035.213.000

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (SCL)	890.000	8.900.000.000	890.000	8.900.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	(4.806.000.000)	-	(4.272.000.000)
TỔNG CỘNG	890.000	4.094.000.000	890.000	4.628.000.000

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thiết bị xây lắp	851.143.861	-
Chi phí giai đoạn đầu tư công trình Sao Thổ	3.058.135.816	-
TỔNG CỘNG	3.909.279.677	-

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (i)	44.808.499.851	26.955.104.091
Vay ngắn hạn khác (ii)	1.260.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 21)	1.316.625.000	3.037.500.000
TỔNG CỘNG	47.385.124.851	29.992.604.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>				
<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/ năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	44.108.499.851	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2012 đến ngày 29 tháng 3 năm 2013	12%- 13%	Nhà văn phòng và phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	700.000.000	Ngày 10 tháng 12 năm 2013	15%	Phương tiện vận tải
TỔNG CỘNG	<u>44.808.499.851</u>			

(ii) Vay ngắn hạn khác là khoản vay từ Công ty TNHH Xây lắp Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 14%/năm.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	16.957.970.455	27.488.412.872
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	100.873.858.005	173.300.557.628
TỔNG CỘNG	<u>117.831.828.460</u>	<u>200.788.970.500</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	2.507.941.854
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.2)	4.157.844.708	5.088.925.559
Thuế thu nhập cá nhân	162.146.675	367.400.165
TỔNG CỘNG	<u>4.319.991.383</u>	<u>7.964.267.578</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trích trước chi phí lãi vay	87.756.500	-
Chi phí thương hiệu phải trả	705.472.334	1.017.346.919
Chi phí lắp đặt cáp pha	531.139.241	760.337.972
Chi phí nhân công, thuê máy, mua bê tông	156.048.376	505.097.000
Các khoản khác	71.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.551.416.451	2.282.781.891

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khoản ứng trước từ Licogi 16	3.354.486.335	3.354.486.335
Tiền phạt chậm nộp thuế phải trả	438.669.645	438.669.645
Bảo hiểm xã hội, y tế	1.588.516.673	279.163.157
Kinh phí công đoàn	143.446.505	488.238.240
Cổ tức phải trả	30.000.000	-
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	318.600.000	-
Lãi vay phải trả	187.022.420	-
Phải trả tạm ứng thiếu của nhân viên	2.856.422.671	1.656.073.872
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.495.825.389	617.361.116
TỔNG CỘNG	10.412.989.638	6.833.992.365
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác</i>	<i>7.058.503.303</i>	<i>3.479.506.030</i>
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 29)</i>	<i>3.354.486.335</i>	<i>3.354.486.335</i>

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn là khoản trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định trong hợp đồng với khách hàng. Trong năm 2012, mức dự phòng được tính ở mức 3% trên tổng doanh thu (không bao gồm phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành của thầu phụ).

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.190.786.884	653.089.906
Trích trong năm	996.660.060	622.001.978
Tăng do sáp nhập Công ty Cổ phần Licogi 16.9	169.688.752	-
Chi trong năm	(48.000.000)	(84.305.000)
Số cuối năm	2.309.135.696	1.190.786.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngân hàng	1.798.178.117	3.964.125.000
TỔNG CỘNG	1.798.178.117	3.964.125.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)</i>	<i>1.316.625.000</i>	<i>3.037.500.000</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>481.553.117</i>	<i>926.625.000</i>

Các khoản vay ngân hàng dài hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	591.553.117	Ngày 5 tháng 3 năm 2015	15%	Phương tiện vận tải
<i>Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>240.000.000</i>			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	532.000.000	Từ 2 - 4 năm	17,5%	Máy móc, thiết bị
<i>Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>402.000.000</i>			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	674.625.000	Từ 3 - 4 năm	17,5%	Máy móc, thiết bị
<i>Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>674.625.000</i>			
TỔNG CỘNG	1.798.178.117			
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.316.625.000</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

22. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm (trình bày lại)	41.000.000.000	187.494.500	1.229.166.528	614.583.263	13.562.535.894	56.593.780.185
- Tăng vốn	19.000.000.000	-	-	-	-	19.000.000.000
- Tăng thặng dư vốn cổ phần	-	4.635.483.500	-	-	-	4.635.483.500
- Lợi nhuận trong năm (trình bày lại)	-	-	-	-	19.035.910.750	19.035.910.750
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.200.000.000)	(8.200.000.000)
- Trích quỹ	-	-	1.244.003.957	622.001.978	(2.488.007.913)	(622.001.978)
Số cuối năm (trình bày lại)	<u>60.000.000.000</u>	<u>4.822.978.000</u>	<u>2.473.170.485</u>	<u>1.236.585.241</u>	<u>21.910.438.731</u>	<u>90.443.172.457</u>
Năm nay						
Số đầu năm (trình bày lại)	60.000.000.000	4.822.978.000	2.473.170.485	1.236.585.241	21.910.438.731	90.443.172.457
- Tăng vốn do sáp nhập Công ty Cổ phần Licogi 16.9	16.000.000.000	606.500.000	-	-	-	16.606.500.000
- Chênh lệch giữa giá phí sáp nhập và tài sản thuần của Công ty Cổ phần Licogi 16.9 (Thuyết minh 4)	-	2.187.002.409	-	-	-	2.187.002.409
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.705.579.019	11.705.579.019
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
- Trích quỹ	-	-	1.993.320.121	996.660.061	(3.986.640.242)	(996.660.060)
- Tăng quỹ khác do sáp nhập Công ty Cổ phần Licogi 16.9 (Thuyết minh 4)	-	-	353.831.681	353.831.681	-	707.663.362
Số cuối năm	<u>76.000.000.000</u>	<u>7.616.480.409</u>	<u>4.820.322.287</u>	<u>2.587.076.983</u>	<u>17.629.377.508</u>	<u>108.653.257.187</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

22. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp	76.000.000.000	76.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.616.480.409	7.616.480.409	4.822.978.000	4.822.978.000
TỔNG CỘNG	83.616.480.409	83.616.480.409	64.822.978.000	64.822.978.000

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 1 tháng 1	60.000.000.000	41.000.000.000
Tăng vốn cổ phần trong năm	16.000.000.000	19.000.000.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	76.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.000.000.000	8.200.000.000

22.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	12.000.000.000	8.200.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	12.000.000.000	8.200.000.000
Cổ tức cho năm 2011: 2.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu (2010: 2.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu)	12.000.000.000	8.200.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-

22.5 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ
Cổ phiếu đã phát hành	7.600.000	76.000.000.000	6.000.000	60.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	7.600.000	76.000.000.000	6.000.000	60.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	6.000.000	60.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	76.000.000.000	6.000.000	60.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	6.000.000	60.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	7.600.000	76.000.000.000	6.000.000	60.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2011: 10.000 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

22. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.6 Quỹ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	4.820.322.287	2.473.170.485
Quỹ dự phòng tài chính	2.587.076.983	1.236.585.241
TỔNG CỘNG	7.407.399.270	3.709.755.726

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	563.279.530.881	1.015.640.561.066
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	56.161.509.419	145.807.232.067
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.389.758.911	11.265.011.936
Doanh thu hợp đồng xây dựng	497.728.262.551	858.568.317.063
Doanh thu thuần	563.279.530.881	1.015.640.561.066
Trong đó:		
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	553.889.771.970	1.004.375.549.130
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	9.389.758.911	11.265.011.936

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm và tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	-	-
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	497.728.262.551	858.568.317.063
TỔNG CỘNG	497.728.262.551	858.568.317.063
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện tính từ đầu năm đến ngày 31 tháng 12	497.728.262.551	858.568.317.063

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	531.265.504	327.722.763
Cổ tức, lợi nhuận được chia	346.511.000	1.814.035.000
TỔNG CỘNG	877.776.504	2.141.757.763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	48.881.309.398	141.801.659.271
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.069.285.543	8.330.501.644
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	476.028.632.262	810.323.329.020
TỔNG CỘNG	532.979.227.203	960.455.489.935

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	6.072.847.769	7.873.362.070
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	880.507.050	14.297.729.700
Chi phí tài chính khác	-	932.024.005
TỔNG CỘNG	6.953.354.819	23.103.115.775

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	1.961.118.182	-
<i>Thu thanh lý tài sản</i>	<i>1.961.118.182</i>	-
Chi phí khác	712.429.029	154.606.417
<i>Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản</i>	<i>712.429.029</i>	<i>154.606.417</i>
GIÁ TRỊ THUẦN	1.248.689.153	(154.606.417)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	403.444.174.282	760.327.919.168
Chi phí nhân công	20.332.630.371	30.853.513.279
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.434.368.530	14.653.671.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.778.270.543	179.212.205.616
Chi phí khác	14.324.849.538	6.959.327.074
TỔNG CỘNG	534.314.293.264	992.006.636.602

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho Công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.139.411.361	4.408.616.229
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	404.833.768
TỔNG CỘNG	3.139.411.361	4.813.449.997

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	14.844.990.380	23.849.360.747
<i>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</i>		
Thù lao của Hội đồng Quản trị	219.000.000	78.000.000
Các khoản phạt	-	154.606.417
Doanh thu năm trước chưa tính thuế	-	1.122.496.328
Hoàn nhập trợ cấp thôi việc phải trả chưa sử dụng hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và sau khi trừ thanh toán thực tế trong năm 2012	173.773.993	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện chịu thuế TNDN	(346.511.000)	(1.814.035.000)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	14.891.253.373	23.390.428.492
<i>Trong đó</i>		
Thu nhập được hưởng ưu đãi (*)	7.778.693.114	19.343.907.504
Thu nhập không được hưởng ưu đãi	7.112.560.259	4.046.520.988
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	3.139.411.361	4.408.616.229
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.088.925.559	1.368.845.251
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	404.833.768
Thuế TNDN đã trả trong năm	(4.070.492.212)	(1.093.369.689)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	4.157.844.708	5.088.925.559

(*) Theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012, Công ty là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nên được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động xây lắp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Doanh thu xây lắp Trả cổ tức Các khoản phí phải trả	465.697.277.630 6.797.906.000 9.519.563.427
Công ty Cổ phần Licogi 16 – Chi nhánh Lai Châu	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu Bán hàng hóa Doanh thu cung cấp điện nước Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	372.733.285.279 52.680.984.791 2.953.556.521 583.813.317
Công ty Cổ phần Licogi 13	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu Doanh thu xây lắp	3.672.063.338 14.072.911.709
Chi nhánh Công ty Licogi 13 – Vật liệu xây dựng CMC	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	2.023.988.390
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Công ty nhận đầu tư	Mua hàng hóa	21.666.920.827

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan cũng như mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số dư</i>
<i>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i>			
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Doanh thu xây lắp	181.569.975.906
Công ty Cổ phần Licogi 16 - Lai Châu	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	17.576.406.341
Công ty Cổ phần Licogi 13	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	8.648.483.411
		Cung cấp dịch vụ	181.426.329
Công ty Cổ phần Licogi 17	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	35.566.682
Công ty Cổ phần Licogi 15	Cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	18.826.238
Công ty Cổ phần Licogi 6	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	1.405.355
			208.032.090.262
<i>Phải thu khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Đặt cọc xây dựng căn hộ	600.000.000
			600.000.000
<i>Phải trả người bán (Thuyết minh số 15)</i>			
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	1.595.032.906
Công ty Cổ phần Licogi 16 - Lai Châu	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	99.278.825.099
			100.873.858.005
<i>Phải trả khác (Thuyết minh số 17)</i>			
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Ứng trước cho Công ty	3.354.486.335
			3.354.486.335
<i>Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 7.2)</i>			
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Công ty nhận đầu tư	Ứng trước tiền cung cấp hàng hóa	2.541.323.475
Chi nhánh Công ty Licogi 13 - Vật liệu xây dựng CMC	Cùng tập đoàn	Ứng trước tiền cung cấp hàng hóa	1.113.669.071
			3.654.992.546

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

		<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng		1.095.000.000	728.000.000
TỔNG CỘNG		1.095.000.000	728.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.705.579.019	19.035.910.750
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	11.705.579.019	19.035.910.750
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.117.808	5.070.879
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	7.117.808	5.070.879

31. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA NĂM TRƯỚC

Trong năm 2012, Công ty đã điều chỉnh một số khoản doanh thu và chi phí liên quan đến các hợp đồng xây lắp ghi nhận chưa đầy đủ trong năm 2011. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến các báo cáo tài chính của năm trước như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại)</i>
Phải thu khách hàng	194.806.726.836	61.865.556.006	256.672.282.842
Hàng tồn kho	95.767.392.369	(55.102.582.220)	40.664.810.149
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	3.116.199.600	(3.116.199.600)	-
Phải trả người bán	199.755.602.454	1.033.368.046	200.788.970.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.426.067.305	2.538.200.273	7.964.267.578
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.835.232.864	75.205.867	21.910.438.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

31. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại)</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	977.735.945.664	37.904.615.402	1.015.640.561.066
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	921.533.842.491	38.921.647.444	960.455.489.935
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.202.103.173	(1.017.032.042)	55.185.071.131
Lợi nhuận trước thuế	24.866.392.789	(1.017.032.042)	23.849.360.747
Lợi nhuận sau thuế	20.083.201.211	(1.047.290.461)	19.035.910.750

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau (tác động đến vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể):

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Tăng/giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VNĐ	+300	(1.436.000.339)
VNĐ	- 300	1.436.000.339
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		
VNĐ	+300	(927.576.873)
VNĐ	-300	927.576.873

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 9.568.877.750 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 10.449.384.800 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 956.887.775 VNĐ (năm 2011: 1.044.938.480 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 956.887.775 VNĐ (năm 2011: 1.044.938.480 VNĐ).

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 7.1 và số 29, phần lớn số dư công nợ phải thu khách hàng của Công ty tập trung vào các công ty có liên quan.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

		<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Các khoản vay và nợ	-	47.385.124.851	481.553.117	47.866.677.968
Phải trả người bán	117.831.828.460	-	-	117.831.828.460
Chi phí phải trả	1.551.416.451	-	-	1.551.416.451
Các khoản phải trả khác	4.352.248.060	-	-	4.352.248.060
	123.735.492.971	47.385.124.851	481.553.117	171.602.170.939
Ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản vay và nợ	-	29.992.604.091	926.625.000	30.919.229.091
Phải trả người bán	200.788.970.500	-	-	200.788.970.500
Chi phí phải trả	2.282.781.891	-	-	2.282.781.891
Các khoản phải trả khác	2.273.434.988	-	-	2.273.434.988
	205.345.187.379	29.992.604.091	926.625.000	236.264.416.470

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

37

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	47.866.677.968	30.919.229.091	47.866.677.968	30.919.229.091
Phải trả người bán	117.831.828.460	200.788.970.500	117.831.828.460	200.788.970.500
Chi phí phải trả	1.551.416.451	2.282.781.891	1.551.416.451	2.282.781.891
Các khoản phải trả khác	4.352.248.060	2.273.434.988	4.352.248.060	2.273.434.988
Tổng cộng	171.602.170.939	236.264.416.470	171.602.170.939	236.264.416.470

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản vay chịu lãi suất được ước tính bằng giá trị ghi sổ của các khoản mục này.

34. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Vào ngày 1 tháng 8 năm 2012, Công ty đã ký Hợp đồng Sáp nhập số 01/2012/HĐSN với Công ty Cổ phần Licogi 16.9. Theo đó, Công ty đã phát hành thêm cổ phần để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phần của Công ty Licogi 16.9 theo tỷ lệ 1 cổ phần của Công ty Licogi 16.9 lấy 0,64 cổ phần của Công ty. Sau khi hoán đổi cổ phần, Công ty Cổ phần Licogi 16.9 đã chấm dứt hoạt động và sáp nhập toàn bộ tài sản, nợ phải trả vào Công ty.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.


Đào Lan Tuyết
Người lập


Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Đồng
Giám đốc



Ngày 5 tháng 3 năm 2013